

Số: 1901-2023/CBTT-HAH

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN  
- Mã chứng khoán : HAH  
- Địa chỉ : Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
- Điện thoại : 024.39877515  
- Fax : 024.39444022  
- Email : [info@haiants.vn](mailto:info@haiants.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

*"Báo cáo Tài chính Quý IV năm 2022" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.*

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2023 tại đường dẫn [www.haiants.vn](http://www.haiants.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Quý IV năm 2022

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**Nguyễn Ngọc Minh**

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 4 NĂM 2022**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 17/11/2022.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2022 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

Nội dung	Quý 4.2022	Quý 4.2021	Chênh lệch
<b>BCTC hợp nhất</b>			
- Doanh thu thuần	845,365,455,294	671,423,427,439	25.91%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	171,486,516,073	203,485,938,614	-15.73%
<b>BCTC công ty mẹ</b>			
- Doanh thu thuần	358,145,457,857	296,007,746,785	20.99%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	137,405,920,939	129,356,722,660	6.22%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 4 năm nay giảm 15,73% so với quý 4 năm trước:

- + Sản lượng vận tải thấp, giá cước giảm, giá dầu nhiên liệu tăng.
- + Tàu West và tàu Mind lên đã định kỳ vào tháng 11 và tháng 12 năm 2022 nên lợi nhuận từ hoạt động cho thuê tàu quý 4 năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước.
- + Lợi nhuận ghi nhận từ các công ty liên kết kỳ này giảm do Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An trở thành công ty con.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Vũ Thanh Hải*

# CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022



**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ  
HẢI AN

**Vũ Thanh Hải**

**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Thanh Hào**

*Hà Nội, tháng 01 năm 2023*



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.230.469.381.743</b>	<b>941.664.249.867</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>129.438.097.542</b>	<b>317.414.227.149</b>
1. Tiền	111		109.438.097.542	103.463.017.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	213.951.210.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>36.500.000.000</b>	<b>74.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.500.000.000	74.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>941.539.035.716</b>	<b>517.020.448.985</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	118.697.065.217	95.170.656.428
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	320.263.457.000	208.231.403.398
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	37.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	452.743.347.111	176.783.222.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>18.970.109.791</b>	<b>18.261.183.355</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	18.970.109.791	18.261.183.355
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>104.022.138.694</b>	<b>14.468.390.378</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	6.615.935.965	5.584.776.448
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		97.406.202.729	8.883.613.930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.441.024.148.896</b>	<b>1.121.494.612.487</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>184.443.150.000</b>	<b>116.674.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	33.600.000.000	46.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	150.843.150.000	70.074.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.919.748.606.027</b>	<b>741.795.095.579</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.917.477.667.260	739.380.162.346
<i>Nguyên giá</i>	222		2.589.926.753.685	1.273.360.549.647
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(672.449.086.425)	(533.980.387.301)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.270.938.767	2.414.933.233
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.270.386.469)	(4.126.392.003)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.456.597.022</b>	<b>6.568.959.439</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	40.456.597.022	6.568.959.439
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>257.930.850.271</b>	<b>245.864.236.338</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.186.716.229)	(26.253.330.162)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.444.945.576</b>	<b>10.592.321.131</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	38.444.945.576	10.592.321.131
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.671.493.530.639</b>	<b>2.063.158.862.354</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.749.298.340.554</b>	<b>702.023.252.318</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>693.699.432.201</b>	<b>372.222.533.809</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	50.061.510.297	21.813.175.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.857.920	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	114.080.175.829	20.703.846.574
4. Phải trả người lao động	314		6.063.255.147	7.276.971.011
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.103.819.080	4.342.230.621
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	8.141.925.000	15.181.295.259
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	284.420.170.759	160.538.055.722
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	172.920.747.522	110.680.547.304
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	50.904.970.647	31.686.411.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.055.598.908.353</b>	<b>329.800.718.509</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		484.000.000.000	191.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	571.598.908.353	138.800.718.509
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.922.195.190.085</b>	<b>1.361.135.610.036</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>1.922.195.190.085</b>	<b>1.361.135.610.036</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		703.446.670.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.446.670.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		352.405.070.809	270.090.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		674.702.801.117	411.577.381.068
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		56.538.970.068	411.577.381.068
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		618.163.831.049	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.671.493.530.639</b>	<b>2.063.158.862.354</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào



Vũ Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ đầu năm đến năm nay	cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	358.145.457.857	296.007.746.785	1.379.299.178.664	875.439.410.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		358.145.457.857	296.007.746.785	1.379.299.178.664	875.439.410.239
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	181.187.819.558	142.328.768.611	646.248.304.690	492.192.665.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		176.957.638.299	153.678.978.174	733.050.873.974	383.246.744.319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.849.899.831	12.318.130.986	86.287.574.984	49.817.844.515
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.989.782.663	4.043.189.542	23.916.327.188	16.976.709.650
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.387.443.045	3.451.151.428	30.340.129.100	11.136.637.783
8. Chi phí bán hàng	25				-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.936.336.600	7.497.675.777	31.493.365.309	26.150.128.274
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166.881.418.867	154.456.243.841	763.928.756.461	389.937.750.910
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.209.618.795	50.170.581	1.350.751.068	314.547.981
12. Chi phí khác	32	VI.7	292.940.206	90.337.207	27.597.528.403	2.313.980.233
13. Lợi nhuận khác	40		916.678.589	(40.166.626)	(26.246.777.335)	(1.999.432.252)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		167.798.097.456	154.416.077.215	737.681.979.126	387.938.318.658
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		30.392.176.517	25.059.354.555	119.518.148.077	54.209.154.030
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		137.405.920.939	129.356.722.660	618.163.831.049	333.729.164.628

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hà

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc




Vũ Thanh Hải



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		737.681.979.126	387.938.318.658
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		125.646.269.741	80.137.168.087
- Các khoản dự phòng	03		(12.066.613.933)	5.556.241.389
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.699.691.458	(275.781.675)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(78.452.070.062)	(47.347.670.523)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	30.340.129.100	11.136.637.783
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		804.849.385.430	437.144.913.719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(339.921.854.523)	(78.952.762.377)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(708.926.436)	(2.167.324.643)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		470.459.344.640	250.997.547.097
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.883.783.962)	(2.990.061.206)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.734.417.917)	(14.394.599.498)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(54.438.866.567)	(53.815.267.484)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(9.591.441.000)	(5.684.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>808.029.439.665</b>	<b>530.138.045.608</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(1.569.774.232.371)	(421.315.392.765)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	454.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(186.500.000.000)	(100.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		224.500.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		69.761.013.642	39.092.794.779
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.462.013.218.729)</b>	<b>(473.968.052.531)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	20.488.500.000	98.939.520.415
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	708.284.525.841	182.344.641.571
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(213.246.135.779)	(107.492.199.823)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(48.759.959.300)	(47.284.355.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>466.766.930.762</b>	<b>126.507.606.663</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(187.216.848.302)</b>	<b>182.677.599.740</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>317.414.227.149</b>	<b>135.041.246.938</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(759.281.305)	(304.619.529)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>129.438.097.542</b>	<b>317.414.227.149</b>

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Công ty**

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

#### **Công ty liên kết**

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại thời điểm cuối kỳ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 74 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 74 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên kết***



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

##### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 14. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	924.915.077	717.778.980
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	108.513.182.465	102.745.238.169
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	20.000.000.000	213.951.210.000
<b>Cộng</b>	<b>129.438.097.542</b>	<b>317.414.227.149</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>270.622.700.000</b>	<b>(14.186.716.229)</b>	<b>270.622.700.000</b>	<b>(26.253.330.162)</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An <sup>(i)</sup>	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An <sup>(ii)</sup>	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An <sup>(iii)</sup>	139.622.700.000	(14.186.716.229)	139.622.700.000	(26.253.330.162)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>1.494.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1,494.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <sup>(iv)</sup>	1,494.000.000	-	1,494.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>866.500</b>	<b>-</b>	<b>866.500</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
<b>Cộng</b>	<b>272.117.566.500</b>	<b>(14.186.716.229)</b>	<b>272.117.566.500</b>	<b>(26.253.330.162)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An số tiền 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 8.100.000.000 VND tương đương 810.000 cổ phần. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho người lao động, tăng vốn điều lệ lên 33.050.000.000 VND, tương đương 3.305.000 cổ phần. Công ty nhận được 896.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An do Công ty này trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.195.200 cổ phiếu, tương đương 36,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (số đầu năm là 298.800 cổ phiếu, tương đương 36,89% vốn điều lệ).

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-26.253.330.162	-20.697.088.773
Trích lập dự phòng bổ sung		-5.243.924.492
Hoàn nhập dự phòng	12.066.613.933	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(14.186.716.229)</b>	<b>(25.941.013.265)</b>

#### Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)</b>		
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	265.737.401.278	262.039.057.543
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	49.056.153.624	47.786.899.220
Phí cấp nước ngọt phải trả công ty con	134.370.000	
Thuê văn phòng của công ty mẹ	2.684.561.005	2.775.904.450
Phí quản lý khác phải trả cho HAP	984.000.000	984.000.000
Lợi nhuận được chia từ HAP	39.705.976.400	19.337.314.976
<b>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)</b>		
Cung cấp dịch vụ cho HACT	516.286.393.981	326.490.594.909
Thuê văn phòng của công ty mẹ	1.069.273.775	955.014.108
HATS góp vốn theo hợp đồng BCC		25.000.000.000
HATS phân chia lãi BCC	2.096.483.602	3.378.543.902
Chi hộ HACT		199.211.201
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	16.149.152.745	33.008.771.328
HACT góp vốn theo hợp đồng BCC	148.600.000.000	40.000.000.000
HACT phân chia lãi BCC		13.131.905.366
HACT chia lợi nhuận	20.200.000.000	20.200.000.000
HACT chi hộ	469.448.480	

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)		
<b><i>Pan Hải An cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng</i></b>	<b>8.008.948.906</b>	<b>5.299.467.993</b>
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	2.275.740.000	634.914.100
Cho Pan Hải An vay	20.000.000.000	23.200.000.000
Thu tiền gốc cho vay từ Pan Hải An	32.500.000.000	
Lãi cho vay	2.542.977.778	2.009.027.780
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)		
<b><i>HATS cung cấp dịch vụ cho HAAL</i></b>	<b>7.126.876.360</b>	<b>6.201.923.433</b>
HATS phân chia lãi BCC	7.290.110.066	479.445.983
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	18.660.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)		
<b><i>HATS cung cấp dịch vụ cho HAGS</i></b>	<b>225.626.574</b>	<b>180.759.113</b>
Sử dụng dịch vụ của HAGS	3.968.026.260	4.567.202.920
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)		
<b><i>HATS cung cấp dịch vụ cho HAFC</i></b>	<b>289.896.233</b>	<b>614.836.623</b>
HAFC chia lợi nhuận	1.045.800.000	747.000.000
HATS phân chia lãi BCC	7.430.922.884	1.212.009.250
HAFC góp vốn theo hợp đồng BCC	8.440.000.000	

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>112.222.434.397</b>	<b>90.684.736.151</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	40.329.869.234	10.358.661.209
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	68.879.761.355	78.267.163.543
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.355.620.478	1.367.711.782
Công ty TNHH Pan Hải An	797.926.670	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		42.109.325
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức		24.615.600
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	15.216.500	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	844.040.160	624.474.692
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>6.474.630.820</b>	<b>4.485.920.277</b>
CÔNG TY TNHH OOCL VIỆT NAM	1.572.480.581	1.447.423.772
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,		445.685.493
Công ty Cổ phần Container Việt Nam		657.660.982
CK LINE CO., LTD	610.944.373	520.755.606
HMM CO., LTD	397.923.180	
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	941.777.966	
CÔNG TY TNHH THORESEN - VI NA MA LOGISTICS		191.565.000
Công ty TNHH Vận Tải Biển Liên Hợp	297.641.529	228.769.251
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NAM SUNG SHIPPING VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG	1.400.083.049	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công Ty Cổ Phần Hàng Hải Macs	706.658.240	
Khách hàng khác	547.121.902	994.060.173
<b>Cộng</b>	<b>118.697.065.217</b>	<b>95.170.656.428</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>320.263.457.000</i>	<i>208.231.403.398</i>
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh		106.208.835
Chi nhánh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Công trình Hàng Hải		359.400.000
CÔNG TY CỔ PHẦN UNICO VINA		922.134.400
Công ty CP Thiết Bị và Dịch vụ Quốc tế		225.225.000
Công ty CP thiết kế xây dựng và đầu tư phát triển Minh Thịnh		553.083.500
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIỆT NAM		578.086.200
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG IMTRACO		67.500.000
FRESH SOUTH SHIPPING S.A.,		84.730.678.650
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	304.051.069.400	119.698.860.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT		677.391.000
Công ty CP thương mại và công nghệ TST Việt Nam		40.291.350
Chi nhánh công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	314.427.000	73.800.000
Công ty TNHH An Tín Hải Phòng	2.356.797.000	
ASL Shipyard Pte Ltd	1.181.056.000	
CÔNG TY TNHH YUSEN LOGISTICS (VIỆT NAM)	200.520.661	
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	11.659.791.000	
Các nhà cung cấp khác	499.795.939	198.744.463
<b>Cộng</b>	<b>320.263.457.000</b>	<b>208.231.403.398</b>

**5. Phải thu về cho vay****5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác.

**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn.

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>180.571.584.978</i>	<i>62.751.593.614</i>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	21.116.287.654	12.425.231.234
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	157.947.180.535	50.118.121.017
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	93.324.451.508	50.118.121.017
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	37.842.110.737	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	1.788.831.231	
Công ty CP đầu tư và vận tải Hải Hà	3.569.020.767	
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An	3.569.020.767	
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	17.853.745.525	
Các khoản chi hộ	1.508.116.789	208.241.363
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>272.171.762.133</b>	<b>114.031.629.157</b>
Tổng công ty Bảo hiểm PVI - Chi phí sự cố tàu HA City	133.976.708.530	
Doanh thu tạm tính		468.473.907
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)	124.423.676.376	112.423.676.376
Ký cược, ký quỹ	11.644.350.000	97.350.000
Tạm ứng	589.603.600	303.012.754
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.537.423.627	739.116.120
<b>Cộng</b>	<b>452.743.347.111</b>	<b>176.783.222.771</b>

- (i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m<sup>2</sup> theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>150.769.150.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (i)	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (ii)	80.769.150.000	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>74.000.000</b>	<b>74.000.000</b>
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	74.000.000
<b>Cộng</b>	<b>150.843.150.000</b>	<b>70.074.000.000</b>

- (i) Là khoản phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	25.000.000.000	25,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	60.000.000.000	60,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	5.000.000.000	5,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	5,00%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

- (iii) Là khoản phải thu Công ty cổ phần vận tải biển An Biên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	80.769.150.000	31,50%
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	76.923.000.000	30,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	25.641.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.256.400.000	4,00%
Công ty TNHH quỹ TM Holding	51.282.000.000	20,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	6.410.250.000	2,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.128.200.000	2,00%
<b>Cộng</b>	<b>256.410.000.000</b>	<b>100%</b>

## 7. Nợ xấu

Số cuối kỳ

Số đầu năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Vận tải Hung Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)
<b>Cộng</b>		<b>164.833.612</b>	<b>(164.833.612)</b>		<b>164.833.612</b>	<b>(164.833.612)</b>

Trong kỳ không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi.

#### 8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	18.399.638.985	18.187.588.810
Công cụ, dụng cụ	570.470.806	73.594.545
<b>Cộng</b>	<b>18.970.109.791</b>	<b>18.261.183.355</b>

#### 9. Chi phí trả trước

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm chờ phân bổ	2.215.717.146	1.116.483.204
Phí đường bộ	89.049.500	66.589.502
Chi phí thuê văn phòng	80.000.000	80.000.000
Dầu nhờn	4.231.169.319	3.930.393.480
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		391.310.262
<b>Cộng</b>	<b>6.615.935.965</b>	<b>5.584.776.448</b>

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	5.529.908.591	3.752.663.371
Chi phí lên đà tàu Haian Link	2.373.939.598	6.443.580.044
Chi phí lên đà tàu Haian West	20.573.874.751	
Chi phí lên đà tàu Haian City	8.810.331.628	
Chi phí khác	1.156.891.008	396.077.716
<b>Cộng</b>	<b>38.444.945.576</b>	<b>10.592.321.131</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	227.398.863.668	308.374.778.281	715.889.599.162	775.938.182	20.921.370.354	739.380.162.346
Mua trong kỳ		7.426.228.702	1.309.087.438.972	52.536.364		1.316.566.204.038
Thanh lý, nhượng bán			-	-		-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>227.398.863.668</b>	<b>315.801.006.983</b>	<b>2.024.977.038.134</b>	<b>828.474.546</b>	<b>20.921.370.354</b>	<b>2.589.926.753.685</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						-
Số đầu năm	138.580.902.303	250.934.154.466	133.213.706.071	752.189.266	10.499.435.195	533.980.387.301
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	9.749.904.840	16.074.571.998	110.528.836.694	30.998.552	2.084.387.040	138.468.699.124
Thanh lý, nhượng bán			-			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>148.330.807.143</b>	<b>267.008.726.464</b>	<b>243.742.542.765</b>	<b>783.187.818</b>	<b>12.583.822.235</b>	<b>672.449.086.425</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						-
Số đầu năm	88.817.961.365	57.440.623.815	582.675.893.091	23.748.916	10.421.935.159	739.380.162.346
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>79.068.056.525</b>	<b>48.792.280.519</b>	<b>1.781.234.495.369</b>	<b>45.286.728</b>	<b>8.337.548.119</b>	<b>1.917.477.667.260</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong kỳ			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.945.015.236</b>	<b>1.596.310.000</b>	<b>6.541.325.236</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.532.790.317	1.593.601.686	4.126.392.003
Khấu hao trong kỳ	141.286.152	2.708.314	143.994.466
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.674.076.469</b>	<b>1.596.310.000</b>	<b>4.270.386.469</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.270.938.767	-	2.270.938.767
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.270.938.767</b>	<b>-</b>	<b>2.270.938.767</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển giảm khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Mua sắm tài sản cố định	670.996.106	1.317.971.650.369	(1.316.566.204.038)	-	2.076.442.437
Xây dựng cơ bản dở dang	5.897.963.333	21.982.795.141		(7.494.033.333)	20.386.725.141
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	90.038.812.806		(72.045.383.362)	17.993.429.444
<b>Cộng</b>	<b>6.568.959.439</b>	<b>1.429.993.258.316</b>	<b>(1.316.566.204.038)</b>	<b>(79.539.416.695)</b>	<b>40.456.597.022</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>696.406.528</b>	<b>1.516.984.906</b>
Công ty TNHH Pan Hải An		759.481.257
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	50.830.320	53.836.376
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	645.576.208	697.667.273
CN tại TP.Hồ Chí Minh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		6.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>49.365.103.769</b>	<b>20.296.190.765</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	2.716.145.148	2.719.462.603
Công ty TNHH Hàng Hải Sao Mai		4.021.546.760
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU DHN		108.520.458
Triton Container International Limited-Colle	2.287.801.944	2.382.505.579
Công ty TNHH MTV tâm cảng Hải Phòng	1.541.273.054	1.435.194.103
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	4.263.618.985	3.455.587.110



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ẬU	1.344.506.040	1.079.750.230
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC	509.561.627	83.080.735
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship	795.630.708	850.469.400
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Duyên Hải		378.724.610
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	841.806.933	717.759.530
Công ty TNHH xếp dỡ An Hải	365.053.932	454.365.560
Công ty TNHH Thoresen - Vinama Logistics	12.960.000	216.198.536
Công ty TNHH container Phía Bắc	46.190.157	101.879.786
HAEJUN SEA & AIR CO., LTD	-	270.742.500
VLK MARINE CORPORATION	-	345.216.960
Bright Hill Ship Services	1.024.760.591	-
BEN LINE AGENCIES SINGAPORE PTE., LTD	25.212.439.376	
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN		33.411.230
Công ty TNHH sửa chữa và dịch vụ tàu biển Hải Minh	1.643.304.440	-
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TỰ ĐỘNG HÓA HẢI ĐĂNG	613.044.472	-
Công ty TNHH Ngọc Minh Anh	1.705.247.200	-
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ TÀU VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI ĐẠI DƯƠNG	650.501.280	-
Các nhà cung cấp khác	3.791.257.882	1.641.775.075
<b>Cộng</b>	<b>50.061.510.297</b>	<b>21.813.175.671</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	512.906.564	20.634.454.297	(21.064.224.459)	83.136.402
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	109.757.316.870	(109.757.316.870)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.446.347.036	147.661.612.422	(54.438.866.567)	111.669.092.891
Thuế thu nhập cá nhân	1.744.592.974	5.670.284.010	(5.086.930.448)	2.327.946.536
Thuế bảo vệ môi trường	-	328.487.460	(328.487.460)	-
Tiền thuế đất	-	2.113.469.423	(2.113.469.423)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>20.703.846.574</b>	<b>286.170.624.482</b>	<b>(192.794.295.227)</b>	<b>114.080.175.829</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2015 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Quý 4 năm nay</b>	<b>Quý 4 năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	167.798.097.456	154.416.077.215
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.111.277.385	478.860.281
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.111.277.385	478.860.281
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	168.909.374.841	154.894.937.496
Thu nhập được miễn thuế	(699.263.727)	(10.389.363.347)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	168.210.111.114	144.505.574.149
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	21.603.784.765	25.611.735.159
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	23.975.703.456	13.212.422.100
- Hoạt động khai thác tàu	122.630.622.893	105.681.416.890
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>33.642.022.223</b>	<b>28.901.114.830</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(2.169.656.468)</b>	<b>(2.561.173.517)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(1.080.189.238)</b>	<b>(1.280.586.758)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>30.392.176.517</b>	<b>25.059.354.555</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>30.392.176.517</b>	<b>25.059.354.555</b>
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(5.729.631.125)	(7.353.277.076)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	13.983.450.026	13.297.772.489
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>38.645.995.418</b>	<b>31.003.849.968</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Tiền thuê đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.103.819.080</i>	<i>4.342.230.621</i>
Chi phí hoạt động cảng		393.116.600
Chi phí hoạt động tàu	1.084.540.000	2.041.550.000
Chi phí lãi vay phải trả	6.019.279.080	1.907.564.021
<b>Cộng</b>	<b>7.103.819.080</b>	<b>4.342.230.621</b>

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

#### 17. Phải trả khác

##### 17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>255.118.197.069</i>	<i>108.346.893.048</i>
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	<i>254.638.197.069</i>	<i>107.866.893.048</i>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	50.042.359.787	18.489.898.404
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	20.048.878.821	7.290.110.066
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	124.881.934.533	52.214.604.619
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	39.693.011.632	22.441.357.075
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	19.972.012.296	7.430.922.884
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	480.000.000	480.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>29.301.973.690</i>	<i>52.191.162.674</i>
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	28.409.241.900	51.225.520.935
Kinh phí công đoàn	118.693.083	253.508.979
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	667.045.600	644.253.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	106.993.107	67.878.860
<b>Cộng</b>	<b>284.420.170.759</b>	<b>160.538.055.722</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 66/HĐHTKD</i></b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
<b><i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 68/HĐHTKD</i></b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15.000.000.000
<b><i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 02/HĐHTKD</i></b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	33.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	11.000.000.000
<b><i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 03-2021/HĐHTKD</i></b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	20.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	2.000.000.000
<b><i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 02-2022/HĐHTKD</i></b>	<b>220.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	135.600.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	21.100.000.000	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12.660.000.000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	42.200.000.000	
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	8.440.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>484.000.000.000</b>	<b>191.000.000.000</b>

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-2021 HĐHTKD ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là “Bên



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019 như sau:

	<b>Giá trị Góp Vốn (VND)</b>	<b>Tỷ Lệ %</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 như sau:

	<b>Giá trị Góp Vốn (VND)</b>	<b>Tỷ Lệ %</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 02-2021/HĐHTKD ngày 02/02/2021 như sau:

	<b>Giá trị Góp Vốn (VND)</b>	<b>Tỷ Lệ %</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.000.000.000	60%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	10%
<b>Cộng</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021 như sau:

	<b>Giá trị Góp Vốn (VND)</b>	<b>Tỷ Lệ %</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	127.000.000.000	52,48%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	8,26%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4,13%
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	20,66%
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	20.000.000.000	8,26%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4,13%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	2,07%
<b>Cộng</b>	<b>242.000.000.000</b>	<b>100%</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 02-2022/HĐHTKD ký ngày 15/09/2022 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	236.000.000.000	51,75%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	135.600.000.000	29,74%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	21.100.000.000	4,63%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12.660.000.000	2,78%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	42.200.000.000	9,25%
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	8.440.000.000	1,85%
<b>Cộng</b>	<b>456.000.000.000</b>	<b>100%</b>

## 18. Vay

### 18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>56.520.339.315</i>	<i>44.449.837.069</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	29.413.305.979	44.449.837.069
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội	27.107.033.336	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>116.400.408.207</i>	<i>66.230.710.235</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	106.337.248.207	56.167.550.235
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	10.063.160.000
<b>Cộng</b>	<b>172.920.747.522</b>	<b>110.680.547.304</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2021/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 18 tháng 01 năm 2021, hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	44.449.837.069	66.230.710.235	110.680.547.304
Số tiền vay phát sinh trong năm	88.261.025.841		88.261.025.841
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		170.134.170.757	170.134.170.757
Số tiền vay đã trả trong năm	(76.190.523.595)	(119.964.472.785)	(196.154.996.380)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>56.520.339.315</b>	<b>116.400.408.207</b>	<b>172.920.747.522</b>

### 18b. Vay dài hạn

Số cuối kỳ

Số đầu năm



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	556.504.178.353	113.642.828.509
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	15.094.730.000	25.157.890.000
<b>Cộng</b>	<b>571.598.908.353</b>	<b>138.800.718.509</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
  - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
  - Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 04 năm 2021 để mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15 tháng 04 năm 2021. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15 tháng 7 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN WEST theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 01.2021/HĐTC/VCB-XDHA.
  - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container MARINE BIA số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022, số tiền vay tối đa là 341.950.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 25/03/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN CITY
  - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container AKIBO số 02.2022/HĐCV/VCB- XDHA ngày 08/11/2022, số tiền vay tối đa là 280.000.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 08/11/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN ROSE
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng tên STELLAR WILLEMSTADT (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025,. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN VIEW

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	116.400.408.207	66.230.710.235
Trên 1 năm đến 5 năm	571.598.908.353	138.800.718.509
<b>Cộng</b>	<b>687.999.316.560</b>	<b>205.031.428.744</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	138.800.718.509	116.956.807.073
Số tiền vay phát sinh	620.023.500.000	93.983.126.250

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀ AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số tiền vay đã trả trong năm	(17.091.139.399)	(5.433.113.239)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(170.134.170.757)	(66.230.710.235)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ		(475.391.340)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>571.598.908.353</b>	<b>138.800.718.509</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	19.296.167.213	16.463.000.000	(5.371.441.000)	30.387.726.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	12.390.244.434	12.347.000.000	(4.220.000.000)	20.517.244.434
<b>Cộng</b>	<b>31.686.411.647</b>	<b>28.810.000.000</b>	<b>(9.591.441.000)</b>	<b>50.904.970.647</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	171.562.014.440	987.868.722.993
Bán cổ phiếu quỹ	-	76.034.035.237	22.905.485.178	-	-	98.939.520.415
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	333.729.164.628	333.729.164.628
Trích lập các quỹ	-	-	-	34.312.000.000	(46.321.000.000)	(12.009.000.000)
Trả cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(47.392.798.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>487.827.510.000</b>	<b>191.640.648.159</b>	<b>-</b>	<b>270.090.070.809</b>	<b>411.577.381.068</b>	<b>1.361.135.610.036</b>
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	191.640.648.159	-	270.090.070.809	411.577.381.068	1.361.135.610.036
Phát hành cổ phiếu ESOP	20.488.500.000	-	-	-	-	20.488.500.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	618.163.831.049	618.163.831.049
Trích lập các quỹ	-	-	-	82.315.000.000	(111.125.000.000)	(28.810.000.000)
Trả cổ tức năm 2021	195.130.660.000	-	-	-	(243.913.411.000)	(48.782.751.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>703.446.670.000</b>	<b>191.640.648.159</b>	<b>-</b>	<b>352.405.070.809</b>	<b>674.702.801.117</b>	<b>1.922.195.190.085</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.344.667	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	70.344.667	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	70.344.667	48.782.751
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.344.667	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	70.344.667	48.782.751
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 0203-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 03 năm 2022 như sau:

	VND
• Chi trả cổ tức cho các cổ đông (1.000đồng/CP) bằng tiền	: 48.782.751.000
• Chi trả cổ tức cho các cổ đông (4.000 đồng/CP) đồngbằng cổ phiếu	195.131.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 82.315.000.000
• Trích quỹ HĐQT	: 12.347.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 16.463.000.000

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.681.020,39	3.406.852,27
Euro (EUR)	40,54	40,54



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	77.014.143.543	83.350.171.176
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	258.913.192.181	188.343.804.798
Doanh thu hoạt động khác	22.218.122.133	24.313.770.811
<b>Cộng</b>	<b>358.145.457.857</b>	<b>296.007.746.785</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	49.399.358	18.615.520
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	3.656.239.441	3.285.549.962
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	302.645.003	82.748.458
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	4.732.122.583	8.339.489.587

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	44.634.530.752	49.946.524.156
Giá vốn của hoạt động tàu	121.880.005.739	77.205.066.898
Giá vốn dịch vụ khác	14.673.283.067	15.177.177.557
<b>Cộng</b>	<b>181.187.819.558</b>	<b>142.328.768.611</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.892.486.089	937.541.635
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	318.090.725	35.771.228
Lãi tiền cho vay	5.230.636.455	595.444.445
Cổ tức, lợi nhuận được chia	699.263.727	10.389.363.347
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.912.621.778	565.182.962
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.203.198.943)	(205.172.631)
<b>Cộng</b>	<b>9.849.899.831</b>	<b>12.318.130.986</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.387.443.045	3.451.151.428
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		312.316.897
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(4.417.627.486)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.689.669.215	153.536.684
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.330.297.889	126.184.533
<b>Cộng</b>	<b><u>10.989.782.663</u></b>	<b><u>4.043.189.542</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.114.615.255	4.365.342.895
Chi phí vật liệu quản lý	114.458.628	85.451.721
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.263.636	37.261.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.905.242	247.012.356
Thuế, phí và lệ phí	18.382.253	8.335.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	898.792.350	844.321.824
Các chi phí khác	3.562.919.236	1.909.949.770
<b>Cộng</b>	<b><u>8.936.336.600</u></b>	<b><u>7.497.675.777</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Tiền bồi thường	333.052.402	38.404.800
Xử lý công nợ	876.566.393	
Thu nhập khác		11.765.781
<b>Cộng</b>	<b><u>1.209.618.795</u></b>	<b><u>50.170.581</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	18.099.886	
Bồi thường tổn thất		68.355.000
Xử lý công nợ	26.270.320	21.982.207
Chi phí khác	248.570.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>292.940.206</u></b>	<b><u>90.337.207</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	4.758.188.462	3.416.770.772
Phụ cấp	900.000.000	720.000.000
Tiền thưởng	4.191.747.758	3.281.899.973
<b>Cộng</b>	<b>9.849.936.220</b>	<b>7.418.670.745</b>

	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay</b>				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1.860.738.462	120.000.000	1.537.589.939	3.518.328.401
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1.176.240.000	120.000.000	1.053.591.174	2.349.831.174
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	120.000.000	200.000.000	320.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	120.000.000	90.000.000	210.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	120.000.000	90.000.000	210.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	120.000.000	90.000.000	210.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	761.760.000	-	495.382.404	1.257.142.404
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	314.400.000	-	84.965.277	399.365.277
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	620.050.000	-	406.218.964	1.026.268.964

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	25.000.000	60.000.000	72.000.000	157.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	60.000.000	36.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	60.000.000	36.000.000	96.000.000
	<b>4.758.188.462</b>	<b>900.000.000</b>	<b>4.191.747.758</b>	<b>9.849.936.220</b>

	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước</b>				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HDQT	1.450.430.772	96.000.000	1.450.934.282	2.997.365.054
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HDQT/Tổng Giám đốc	944.500.000	96.000.000	839.055.936	1.879.555.936
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HDQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	96.000.000	120.000.000	216.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HDQT/ Phó Tổng Giám đốc	308.420.000	96.000.000	272.281.993	676.701.993
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HDQT	-	96.000.000	60.000.000	156.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HDQT	-	96.000.000	60.000.000	156.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	184.760.000	-	92.046.666	276.806.666
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	74.920.000	-	9.970.000	84.890.000
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	453.740.000		293.611.096	747.351.096
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	48.000.000	36.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	24.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	24.000.000	72.000.000
	<b>3.416.770.772</b>	<b>720.000.000</b>	<b>3.281.899.973</b>	<b>7.418.670.745</b>

**Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con của Công ty con



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty con
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2e cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</b>		
HATS phân chia lãi BCC	22.441.357.075	2.419.651.934
HATS trả cổ tức	5.567.500.000	5.567.500.000
Chi phí HATS thuê văn phòng	2.481.478.789	1.787.328.780
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	27.100.000.000	15.000.000.000
<b>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (MLA)</b>		
HATS trả cổ tức	1.722.060.000	1.722.060.000
HATS phân chia lãi BCC	18.489.898.404	2.659.374.929
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	45.200.000.000	2.000.000.000
MLA chi hộ		
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh</b>		
HATS sử dụng dịch vụ	95.454.554	79.090.906
<b>Công ty cổ phần vận tải biển An Biên</b>		
HATS góp vốn theo hợp đồng BCC	80.769.150.000	
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	13.000.000.000	
<b>Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh</b>		
HATS trả cổ tức		1.503.200.000
<i>Công nợ với các bên liên quan khác</i>		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12 và V.16.		

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Lũy kế đến cuối kỳ năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	326.929.385.436	961.204.942.333	91.164.850.895	1.379.299.178.664
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>326.929.385.436</b>	<b>961.204.942.333</b>	<b>91.164.850.895</b>	<b>1.379.299.178.664</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	144.790.083.891	556.456.682.131	31.804.107.952	733.050.873.974
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(31.493.365.309)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				701.557.508.665
Doanh thu hoạt động tài chính				86.287.574.984
Chi phí tài chính				(23.916.327.188)
Thu nhập khác				1.350.751.068
Chi phí khác				(27.597.528.403)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(119.518.148.077)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>618.163.831.049</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>18.161.932.963</b>	<b>1.331.623.641.777</b>	<b>778.712.987</b>	<b>1.350.564.287.727</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>23.502.182.362</b>	<b>116.263.163.585</b>	<b>2.119.921.060</b>	<b>141.885.267.007</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Lũy kế đến cuối kỳ năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	318.211.334.258	468.703.147.160	88.524.928.821	875.439.410.239
--	-----------------	-----------------	----------------	-----------------

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
--	--	--	--	--

<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>318.211.334.258</b>	<b>468.703.147.160</b>	<b>88.524.928.821</b>	<b>875.439.410.239</b>
---	------------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	131.643.311.314	222.637.313.786	28.966.119.219	383.246.744.319
---------------------------------	-----------------	-----------------	----------------	-----------------

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(26.150.128.274)
--	--	--	--	------------------

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				357.096.616.045
-----------------------------------	--	--	--	-----------------

Doanh thu hoạt động tài chính				49.817.844.515
-------------------------------	--	--	--	----------------

Chi phí tài chính				(16.976.709.650)
-------------------	--	--	--	------------------

Thu nhập khác				314.547.981
---------------	--	--	--	-------------

Chi phí khác				(2.313.980.233)
--------------	--	--	--	-----------------

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(54.209.154.030)
--	--	--	--	------------------

<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>333.729.164.628</b>
---	--	--	--	------------------------

<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>31.540.851.026</b>	<b>196.634.096.791</b>	<b>597.701.180</b>	<b>228.772.648.997</b>
---	-----------------------	------------------------	--------------------	------------------------

<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>26.995.282.928</b>	<b>64.566.269.310</b>	<b>1.140.948.452</b>	<b>92.702.500.690</b>
---	-----------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	200.060.158.880	2.636.949.604.796	44.819.131.304	2.881.828.894.980
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				789.664.635.659
<b>Tổng tài sản</b>				<b>3.671.493.530.639</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.449.683.398	1.452.348.263.259	261.990.289.123	1.738.788.235.780
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				10.510.104.774
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.749.298.340.554</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	164.278.427.897	989.033.905.057	43.896.948.084	1.197.209.281.038
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				865.949.581.316
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.063.158.862.354</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.951.773.884	516.870.069.150	84.848.729.313	622.670.572.347
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				79.352.679.971
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>702.023.252.318</b>

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào



Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải